TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/KDTM-ST
Ngày : 11-7-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán điện

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lưu Trọng Nghĩa
Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Thống - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-KDTM ngày 14/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2022/QĐST-KDTM ngày 15/6/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Tổng công ty Đ**
Trụ sở: Số X đường Y, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ liên lạc: Số M đường N, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Gia T, phó phòng TCNS Công ty Đ (Theo giấy ủy quyền số 3251/UQ-PCAPĐ ngày 17/12/2021); có đơn xin vắng mặt.
- *Bị đơn*: **Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T**
Trụ sở: Số X đường Y, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Văn Thị Thúy V
Địa chỉ: Số P đường Q, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Tổng công ty Đ do ông Phạm Văn Tưởng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/10/2019 Tổng công ty Đ (gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sản xuất, số hợp đồng 19/003772, mã khách hàng PE 16000332405.

Trong quá trình sử dụng điện Công ty T còn nợ 03 kỳ tiền điện của tháng 3, 4, 5 năm 2020 tương ứng là 7.219.251đồng, 10.154đồng và 573.046đồng, tổng cộng 03 kỳ là 7.802.451đồng. Mặc dù, Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán tiền điện nói trên nhưng đến nay Công ty vẫn không thanh toán.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty Đ số tiền điện còn nợ 7.802.451đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/7/2022 theo mức lãi suất 0.024%/ngày là 1.570.127đồng, tổng cộng 9.372.578đồng.

- Bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T: Đã được Tòa án nhân dân Quận X triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có văn bản trình bày hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các thủ tục theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn chuẩn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn vắng mặt nhiều lần không có lý do nên không chấp hành theo Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty T phải trả cho nguyên đơn số tiền điện còn nợ là 7.802.451đồng và tiền lãi tính trên nợ gốc theo mức lãi suất 0.024%/ ngày kể từ ngày chậm thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tổng công ty Đ (gọi tắt là Công ty Đ) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) phải trả tiền điện cho Công ty Đ. Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau, phục vụ mục đích sản xuất theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 10/6/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T có trụ sở tại địa chỉ số X đường Y, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng kết quả xác minh tại Công an phường T thì Công ty T có trụ sở tại hai địa chỉ, địa chỉ số X đường Y, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động đến tháng 8/2019, sau đó hoạt động tại địa chỉ số Y đường Z, phường T, Quận X đến tháng 01/2020, hiện nay đi đâu không rõ. Như vậy, bị đơn có trụ sở tại Quận X, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về việc triệu tập đương sự tham gia tố tụng:*

Ông Phạm Gia T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Công ty T vắng mặt không có lời khai, không cung cấp tài liệu, chứng cứ xác nhận hay phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt không có lý do tại Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của nguyên đơn, có đủ cơ sở để xác định ngày 29/10/2019 Tổng công ty Đ với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T có ký hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sản xuất, số hợp đồng 19/003772, mã khách hàng PE16000332405. Trong quá trình sử dụng điện Công ty T còn nợ 03 kỳ tiền điện của tháng 3, 4, 5 năm 2020 tương ứng tương ứng là 7.219.251đồng, 10.154đồng và 573.046đồng, tổng cộng 03 kỳ là 7.802.451đồng. Mặc dù, Công ty Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty T thanh toán nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty Đ yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền điện còn nợ 7.802.451đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/7/2022 theo mức lãi suất 0.024%/ngày là 1.570.127đồng, tổng cộng 9.372.578đồng.

Xét thấy, tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Hợp đồng mua bán điện hai bên đã ký kết thì thời hạn thanh toán là 07 ngày kể từ ngày Công ty Đ thông báo thanh toán lần đầu nhưng từ khi Công ty Đ có thông báo thanh toán (giấy báo tiền điện của tháng 3, 4, 5 năm 2000) đến nay Công ty T không thanh toán số tiền điện nói trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận tại hợp đồng. Do đó, Công ty Đ yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền điện còn nợ 7.802.451đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/7/2022 theo mức lãi suất 0.024%/ngày là 1.570.127đồng, tổng cộng 9.372.578đồng là có căn cứ và phù hợp theo Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, 306 Luật thương mại năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng công ty Đ.

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T phải trả cho Tổng công ty Đ số tiền là 9.372.578đồng (trong đó tiền nợ gốc là 7.802.451đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày quá hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2022 là 1.570.127đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ T phải chịu 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Tổng công ty Đ 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0105702 ngày 10/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân Quận X có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận X, TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận X, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thùy Trang